

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 223/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 19/6/2025.

*V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia đình,
ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A**

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Việt Quốc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Phước Tân và ông Nguyễn Văn Hồng.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trà Mi - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2025/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 3 năm 2025 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2025/QĐXXS-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 430/2025/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị N, sinh năm: 1987; Địa chỉ: Tổ 4, ấp A, xã K, huyện A, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Phạm Văn H, sinh năm: 1984; Địa chỉ: Tổ 4, ấp A, xã K, huyện A, tỉnh An Giang.

(Bà N có mặt. Ông H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/12/2024 cùng với các tài liệu, chứng cứ kèm theo và quá trình tố tụng tại Tòa án, bà Trần Thị N trình bày: Hôn nhân giữa bà và ông H do mai mối, được cha mẹ đồng ý tiến hành tổ chức lễ cưới vào năm 2004, đến năm 2010 bà với ông H đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh, huyện A, tỉnh An Giang.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống H phúc, đầu năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống gia đình, không có tiếng nói chung. Bà và ông H ly thân từ năm 2022 đến nay. Hiện nay, nhận thấy tình cảm của bà N dành cho ông H không còn nữa, đời sống vợ chồng không còn H phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà N đề nghị Tòa án cho bà được ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà và ông H có 02 con chung Phạm Văn C, sinh ngày 09/09/2004 và Phạm Tuấn K, sinh ngày 02/04/2007. Hiện nay, 02 con chung đã trưởng thành và tự lập được, khi ly hôn bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các thông báo thụ lý, hòa giải cũng như thông báo về việc tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông H theo quy định nhưng ông H vắng mặt không lý do.

Tại biên bản xác minh ngày 13/5/2025 được ông Linh cho biết: Nhà ông và nhà ông H gần nhau, hôn nhân giữa ông H và bà N là do mai mối được cha mẹ đồng ý tiến hành tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh. Sau khi kết hôn cả hai sống rất H phúc và đến đầu năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do ông H quen biết với người phụ nữ khác và chung sống với người đó, không về gia đình. Việc ly hôn giữa ông H và bà N tùy tòa án giải quyết.

Về con chung: Có 02 (Hai) đứa con chung tên Phạm Văn C, sinh ngày 09/09/2004 và Phạm Tuấn K, sinh ngày 02/04/2007; con chung đã trưởng thành và tự lập được.

Về tài sản chung, nợ chung: Không biết.

Tại biên bản xác minh ngày 14/5/2025 Công an xã K cho biết hiện ông Phạm Văn H vẫn còn đăng ký thường trú tại ấp A, xã K, huyện A, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa, bà N vẫn bảo lưu ý kiến, ông H vắng mặt lần 2.

Đại diện Viện Kiểm sát thực hành quyền kiểm tra, giám sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX, thư ký phiên tòa phát biểu: Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi hòa giải, xác minh thu thập chứng cứ, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng... là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử, thư ký không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Về nội dung vụ án: Yêu cầu của nguyên đơn có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Trần Thị N khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Phạm Văn H. Đồng thời, ông H có nơi cư trú trên địa bàn huyện A. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà N có mặt, ông H vắng mặt lần 2 không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H theo Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà N và ông H có đăng ký kết hôn theo quy định nên làm phát sinh giá trị pháp lý theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu của bà N ly hôn với ông H nhận thấy: Thời gian ly thân giữa bà Nguôi và ông H đã lâu nhưng cả hai không có giải pháp hàn gắn, điều này cũng phù hợp với biên bản lấy lời khai ngày 13/5/2025 mà Tòa án thu thập được. Do vậy có căn cứ cho thấy mục đích hôn nhân giữa bà N với ông H không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, do đó yêu cầu ly hôn của bà N là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Bà N và ông H có 02 con chung Phạm Văn C, sinh ngày 09/09/2004 và Phạm Tuấn K, sinh ngày 02/04/2007. Xét thấy 02 con chung đã trưởng thành và tự lập, bà N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết và không đề cập trong phần quyết định.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Do bà N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết và không đề cập trong phần quyết định.

[6] Về án phí: Bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 55, 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các điều 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

- Về hôn nhân: Bà Trần Thị N được ly hôn với ông Phạm Văn H.

- Về án phí: Bà Trần Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình. Khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp

theo biên lai thu số 0010358 ngày 06/3/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A (bà N đã nộp đủ).

Bà N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (19/6/2025). Ông H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh AG (1);
- VKS tỉnh AG (1);
- VKS huyện AP (2);
- THADS huyện AP (1);
- UBND xã K (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu VP (1);
- Lưu HS (1).

Mai Việt Quốc